

Bản án số: 22/2018/HS-PT

Ngày: 14-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Hoàng;

Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2018/TLPT-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Võ Hải A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2017/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo: **Võ Hải A**, sinh năm 1984, tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành L (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên Phạm Thị L, sinh năm 1988 và có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

Trong vụ án còn có bị cáo Bùi Văn Đ, nguyên đơn dân sự Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (sau đây viết tắt là Công ty D), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Q, tuy nhiên những người này không kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hải A và Bùi Văn Đ có quen biết với nhau và cùng làm công nhân tại Công ty D; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Vào khoảng 12 giờ, ngày 30/3/2017, trong lúc làm việc tại xưởng 2 của Công ty D, A nhìn thấy tại xưởng 2 có 02 chiếc máy hàn đang để cạnh vị trí làm việc của mình và biết hệ thống camera của công ty không hoạt động do công ty đang bị mất điện nên A về phòng trọ để tìm người cùng thực hiện việc trộm cắp máy hàn của công ty, khi A đi về đến gần phòng trọ thì gặp Châu Khánh L (sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau) cũng là công nhân làm việc tại Công ty D. Lúc này A nói với L “khoảng một giờ mấy máy lại chỗ nhà vệ sinh bên ngoài hàng rào xưởng mình làm để lấy đồ ra và cất giấu vào bụi giúp tao”, L đồng ý, sau đó cả hai đi bộ về phòng trọ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, A tiếp tục đi vào công ty để làm việc, khi A đến thì công ty vẫn bị mất điện nên một số công nhân làm trong xưởng được lãnh đạo công ty cho đi ra bên ngoài xưởng để làm vệ sinh, còn A vẫn tiếp tục ở lại trong xưởng 2 để làm việc. A quan sát xung quanh thấy không có ai nên đến vị trí đặt máy hàn và lấy 01 máy hàn que hiệu ARC 200, lấy xong A cầm máy hàn đi đến tủ đựng dụng cụ làm việc tại xưởng 2 và lấy thêm 01 máy khoan hiệu Maket MT 817. Sau khi lấy được máy hàn và máy khoan, A gọi điện thoại kêu L đến lấy tài sản để cất giấu cho A; A đưa máy hàn và máy khoan vào bên trong nhà vệ sinh của xưởng 2, A đứng lên bồn cầu nhà vệ sinh, cầm máy khoan hiệu Maket MT 817 ném ra bên ngoài tường rào của công ty thông qua khe hở giữa tường và mái của nhà vệ sinh, do máy hàn nặng nên A không thể ném ra được. Lúc này, A biết Đ cùng một số người khác đang làm vệ sinh ở bên ngoài sát nhà vệ sinh của xưởng 2 nên A kêu Đ lại và nói “mày kêu mấy thằng kia đi đi”, nghe vậy Đ liền đi đến nói những người đang làm vệ sinh cùng mình đi nơi khác rồi quay lại gặp A, A đưa máy hàn que hiệu ARC 200 ra bên ngoài cho Đ thông qua lỗ thông gió nhà vệ sinh và nói với Đ “mày chuyển cái này ra bờ rào giùm tao”, nghe vậy Đ nói “máy này của công ty chuyển ra có gì là chết”, A nói “chuyển ra đi có gì tao chịu, bán được tao chia tiền cho xài”, Đ đồng ý và nhận lấy máy hàn que hiệu ARC 200 từ A rồi ném ra phía ngoài tường rào của công ty. Sau đó, A và Đ tiếp tục làm việc cho đến khi tan ca thì về phòng trọ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô (biển số không xác định) đến phòng trọ của A tại Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương để chở A đi ra khu vực lô cao su ở sát tường rào của Công ty D lấy 01 máy hàn que hiệu ARC 200, 01 máy khoan hiệu Maket MT 817 đem về phòng trọ của A cất giấu.

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 31/3/2017, A biết công ty đã phát hiện ra bị mất tài sản nên A đến phòng trọ của Đinh Văn Q (sinh năm 2001, hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng) tại Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (chung dãy nhà trọ với A) để gửi Q bao đồ lấy ở công ty về, ban đầu Q không đồng ý nhưng do A năn nỉ nhiều lần nên Q đồng ý. Sau đó, A đi về phòng của mình lấy 01 máy hàn que hiệu ARC 200, 01 máy khoan hiệu

Maket MT 817 đã được để sẵn trong 01 bao tải đưa qua phòng trọ của Q và cất giấu ở trên tấm la phong tại trần phòng trọ của Q.

Đến ngày 01/4/2017, Công ty D trình báo sự việc cho Công an phường T. Qua điều tra xác minh ban đầu, Công an phường T nghi vấn A và Đ là người đã trộm cắp tài sản của công ty nên đã mời A và Đ về trụ sở làm việc. Qua làm việc, A và Đ đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của công ty, Công an phường T tiến hành tạm giữ vật chứng và tài liệu đồ vật có liên quan gồm:

- 01 máy hàn, hiệu ARC 200; 01 máy khoan, hiệu Maket MT 817; 01 chứng minh nhân dân tên Đinh Văn Q (do Đinh Văn Q nộp).

- 01 chứng minh nhân dân tên Võ Hải A (do Võ Hải A giao nộp).

Sau đó, Công an phường T chuyển vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành tạm giữ các tài liệu đồ vật có liên quan gồm: 01 chứng minh nhân dân tên Bùi Văn Đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 77/KLTS – TTHS ngày 24/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 máy hàn que hiệu ARC 200, đã qua sử dụng có giá trị 2.735.000 đồng; 01 máy khoan hiệu Maket MT 817, đã qua sử dụng có giá trị 1.069.000 đồng. Tổng giá trị của 01 máy hàn que hiệu ARC 200 và 01 máy khoan hiệu Maket MT 817 là 3.804.000 đồng.

Đối với 01 máy hàn que hiệu ARC 200, 01 máy khoan hiệu Maket MT 817. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của Công ty D. Ngày 05/7/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 103 và trả lại các tài sản trên cho bà Nguyễn Thị Phương H (đại diện theo ủy quyền của Công ty D).

Đối với Châu Khánh L, người mà Võ Hải A khai là giúp A trong việc vận chuyển và cất giấu 01 máy hàn que hiệu ARC 200, 01 máy khoan hiệu Maket MT 817, khi A và Đ ném ra khỏi tường rào của công ty. Quá trình điều tra đến nay xác định Châu Khánh L hiện nay không có mặt ở địa phương, L bỏ đi đâu không rõ. Cơ quan cảnh sát điều tra chưa tiến hành làm việc được với L. Ngoài lời khai của Võ Hải A, không còn tài liệu chứng cứ nào khác xác định L có liên quan đến vụ án trộm cắp tài sản do A và Đ thực hiện. Do đó chưa có đủ cơ sở để khởi tố bị can đối với Châu Khánh L nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau.

Đối với Đinh Văn Q là người cho A cất giấu 01 máy hàn que hiệu ARC 200, 01 máy khoan hiệu Maket MT 817 lấy trộm tại công ty ở phòng trọ của

mình. Do hành vi phạm tội của Võ Hải A, Bùi Văn Đ chỉ phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự nên hành vi của Q chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Che giấu tội phạm” hoặc “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 313 và 314 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q.

Đối với điện thoại di động mà A sử dụng để gọi điện cho L để kêu L đến lấy máy hàn, máy khoan đem cất giấu. A khai điện thoại này đã bị rút mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thể tiến hành thu hồi.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2017/HS-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Võ Hải A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Võ Hải A 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/12/2017, bị cáo Võ Hải A kháng cáo xin hưởng án treo (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo A là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo A 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo A kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Võ Hải A trình bày và nói lời sau cùng tại phiên tòa: Số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho công ty và công ty xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo học thức thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 30/3/2017, tại Công ty D, địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Võ Hải A cùng Bùi Văn Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty D với tổng giá trị tài sản là 3.804.000 đồng bao gồm: 01 máy hàn que hiệu ARC 200, đã qua sử dụng có giá trị 2.375.000 đồng và 01 máy khoan hiệu Maket MT 817, đã qua sử dụng có giá trị 1.069.000 đồng (căn cứ Bản kết luận định giá tài sản ngày 24/4/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã T). Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Hải A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn dân sự Công ty D được pháp luật bảo vệ. Bị cáo A nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty D là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân đã cố ý thực hiện.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Hải A kháng cáo xin hưởng án treo. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản thu hồi và trả lại cho Công ty D và Công ty có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, không cần phải cách ly bị cáo A ra khỏi xã hội mà cần tạo điều kiện cho bị cáo được làm việc và để thực hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người nhất thời phạm tội, sửa chữa sai phạm để trở thành công dân tốt. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2017/HS-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa xem xét hết hoàn cảnh cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Hải A nên bị cáo A không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Hải A; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2017/HS-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Võ Hải A:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Võ Hải A 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 14/3/2018).

Giao bị cáo Võ Hải A cho Ủy ban nhân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Võ Hải A có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Hải A không phải nộp.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Công an thị xã T;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Trần Văn Luông Nguyễn Minh Hoàng

Nguyễn Huỳnh Đức